TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/KDTM-PT
Ngày 16 - 9 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng đại lý tiêu thụ khí dầu mỏ hoá lỏng; tranh chấp bồi thường thiệt hại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quang Kiên

Bà Bùi Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hấn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng*:** Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12, 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2025/TLPT-KDTM ngày 24 tháng 7 năm 2025 về việc "tranh chấp hợp đồng đại lý tiêu thụ khí dầu mỏ hoá lỏng; tranh chấp bồi thường thiệt hại".

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 8 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Cổ phần Kinh doanh A; địa chỉ: Tầng 11, Tòa nhà V, số 167 phố T, phường Y, quận CG (nay là phường Yên Hòa), thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lương Văn H; nơi cư trú: Số 63, ngõ 35 T, phường P, quận K (nay là phường P), thành phố Hải Phòng (Văn bản ủy quyền số 22/GUQ-LPG ngày 01/8/2023); Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Anh T – Luật sư Công ty Luật 36 & C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

- *Bị đơn*: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại B; địa chỉ đăng ký doanh nghiệp: Số 6/4/380 TH, phường HN, quận LC (nay là phường LC), thành phố Hải Phòng; địa chỉ hoạt động kinh doanh: Thôn KĐ, xã HT, huyện AD (này là phường AH), thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Quốc Đ; nơi cư trú: Phòng 0815, Tòa B, khu đô thị C, phường ĐN, thành phố Hà Nội (Theo Giấy ủy quyền ngày 10/7/2025). Có mặt

Người kháng cáo: Bị đơn - Công ty Công ty TNHH Thương mại B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phiên tòa đại diện của nguyên đơn trình bày*:

Ngày 01/01/2022, Công ty Cổ phần kinh doanh A - Chi nhánh Duyên Hải (sau đây gọi tắt là "Công ty A") và Công ty TNHH Thương mại B (sau đây gọi tắt là "Công ty B") ký kết: Hợp đồng đại lý tiêu thụ khí dầu mỏ hoá lỏng đóng chai (HĐTĐL số: C1NĐ005/2022/PVGAS DH – ĐLLC). Theo đó, Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2022 và kế thừa toàn bộ quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ về vỏ bình của Công ty B đối với Công ty A theo Hợp đồng số 01/2021/PVGAS DH - CTLC/HĐĐ ngày 01/01/2021 đã ký giữa hai bên. Công ty A đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng đại lý đã ký.

Ngày 30/6/2022, Công ty A và Công ty B đã lập "Biên bản đối chiếu công nợ" với nội dung Công ty B còn nợ số lượng vỏ bình và công nợ chi tiết như sau:

+ Nợ vỏ bình PVGAS 12Kg: 26.376 vỏ.

+ Nợ vỏ bình PVGAS 11Kg: 235 vỏ.

+ Nợ vỏ bình PVGAS 45Kg: 895 vỏ.

+ Công nợ tiền hàng: 1.493.618.462 đồng.

Sau đó, Công ty B đã không đạt sản lượng tiêu thụ gas tối thiểu theo quy định tại Điều 3.1 của Hợp đồng đã ký nên ngày 22/9/2022, Công ty A đã gửi công văn số 979/CNDH-KD tới Công ty B để thông báo về việc tạm dừng Hợp đồng đại lý số C1NĐ005 kể từ ngày 30/9/2022 và đề nghị Công ty B thanh toán toàn bộ công nợ là: 1.424.429.730 đồng (tính tới ngày 20/9/2022) trước ngày 30/9/2022. Tuy nhiên, sau ngày 30/9/2022 Công ty B không có bất kỳ phản hồi nào về nội dung Công văn số 979/CNDH-KD đối với Công ty A nói trên.

Ngày 05/10/2022, Công ty A tiếp tục gửi Công văn số: 1165/CNDH-KD tới Công ty B để đề nghị thanh toán công nợ. Nhưng Công ty B vẫn không có phản hồi.

Ngày 28/10/2022, Công ty A có thông báo cho Công ty B về việc đề nghị người đại diện theo pháp luật kiêm Giám đốc Công ty B sắp xếp thời gian để hai bên làm việc về công nợ. Đến thời điểm này, Công ty B mới trả lời lại bằng Công văn số: 06/LC ký ngày 29/10/2022 về việc không thể có mặt làm việc theo lịch hẹn của Công ty A.

Ngày 11/11/2022, Công ty A tiếp tục gửi Công văn số: 1267/CNDH-KD đề nghị Công ty B bố trí lịch làm việc vào ngày 15/11/2022, qua ngày 15/11/2022 thì Công ty B vẫn không đến làm việc và không có công văn phản hồi.

Ngày 07/6/2023, Công ty A Hải tiếp tục gửi Công văn số: 60/CNDH-KD đề nghị Công ty B phải thanh toán toàn bộ số công nợ và số lượng vỏ bình gas còn nợ đến ngày 31/12/2022 trước ngày 16/6/2023 nếu không sẽ tiến hành khởi kiện tại Toà án.

Từ tháng 11/2022 đến tháng 6/2023, Công ty B đã thanh toán được 129.429.736 đồng cho Công ty A. Tính đến ngày 30/6/2023, Công ty B còn nợ của Công ty A số tiền gốc là: 1.295.000.000 đồng. Ngày 30/5/2024, Công ty B thanh toán được thêm 155.000.000 đồng, Công ty A khấu trừ số tiền này vào số tiền nợ gốc, nên tính đến ngày 30/5/2024 Công ty B còn nợ Công ty A số tiền gốc là 1.140.000.000 đồng (theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/5/2024); đối với số lượng vỏ bình thì vẫn còn nợ 27.506 vỏ bình như tại thời điểm chốt "Biên bản đối chiếu công nợ" ngày 30/6/2022 giữa hai bên.

Nay nguyên đơn nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng đại lý tiêu thụ khí dầu mỏ hóa lỏng đóng chai số: C1NĐ005/2022/PVGAS DH-ĐLLC được ký kết ngày 01/01/2022 giữa Công ty Cổ phần kinh doanh A – Chi nhánh Duyên Hải và Công ty TNHH Thương mại B.

2. Buộc Công ty B thanh toán cho Công ty A các khoản tiền sau:

2.1 Toàn bộ khoản tiền nợ gốc còn lại là 1.140.000.000 đồng.

2.2 Tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/6/2025) là 236.600.000 đồng cụ thể:

- Tiền lãi chậm trả từ ngày 30/6/2023 đến ngày 30/5/2024 đối với khoản nợ gốc là 1.295.000.000 đồng:

+ Thời gian chậm trả lãi: 335 ngày

+ Lãi suất chậm trả: 10%/năm (Căn cứ theo khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015), tương ứng là 0,0274%/ngày.

Tổng số tiền lãi chậm trả là: 1.295.000.000 đồng x 335 ngày x 0,0274%/ngày = 118.868.050 đồng (Làm tròn là: 118.850.000 đồng).

- Tiền lãi chậm trả từ ngày 31/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/6/2025) đối với khoản nợ gốc là 1.140.000.000 đồng.

+ Thời gian chậm trả lãi: 377ngày

+ Lãi suất chậm trả: 10%/năm (Căn cứ theo khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự 2015), tương ứng là 0,0274%/ngày.

Tổng số tiền lãi chậm trả là: 1.140.000.000 đồng x 377ngày x 0,0274%/ngày = 117.759.720 đồng (Làm tròn là: 117.750.000 đồng).

Tổng cộng số tiền lãi phát sinh là: 118.850.000 đồng + 117.750.000 đồng = 236.600.000 đồng.

3. Buộc Công ty B phải hoàn trả/trả lại cho Công ty A vỏ bình gas cụ thể như sau:

3.1 Công ty B phải hoàn trả/trả lại cho Công ty A một lần toàn bộ 27.506 vỏ bình gas như sau:

- Loại vỏ bình gas 12kg là 26.376 vỏ bình.

- Loại vỏ bình gas composite 11kg là 235 vỏ bình.

- Loại vỏ bình gas 45kg là 895 vỏ bình.

Tính đến ngày 30/9/2022: Công ty A còn giữ của Công ty B số tiền tiền đặt cọc vỏ bình là 4.200.968.951 đồng sau khi trừ đi chi phí vỏ bình đã khấu hao là 17.378.708.333 đồng và giá trị ký cược còn lại là 932.962.500 đồng; số tiền phải thu thêm theo Điều 6.5 của Hợp đồng là 4.724.629.167 đồng.

Như vậy, đối với số tiền 932.962.500 đồng (giá trị ký cược còn lại) sẽ được Công ty A thanh toán cho Công ty B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản hoặc sẽ được sẽ được khấu trừ vào số tiền Công ty B phải trả cho Công ty A sau khi Công ty B đã trả đủ số lượng 27.506 vỏ bình cho Công ty A.

3.2 Trong trường hợp Công ty B không thể trả được hiện vật là 27.506 vỏ bình gas đã mượn nêu trên thì phải thanh toán một lần cho Công ty A toàn bộ số tiền tương ứng với giá trị nguyên giá vỏ bình gas theo Điều 6.1 của Hợp đồng cụ thể là:

- Loại vỏ bình gas 12kg: 26.376 vỏ x 800.000 đồng/vỏ = 21.100.800.000 đồng.

- Loại vỏ bình gas composite 11kg: 235 vỏ x 1.000.000 đồng/vỏ = 235.000.000 đồng

- Loại vỏ bình gas 45kg: 895 vỏ x 1.900.000 đồng/vỏ = 1.700.500.000 đồng.

Tổng là 23.036.300.000 đồng.

Sau khi khấu trừ giá trị ký cược còn lại là 932.962.500 đồng, Công Ty B còn phải trả số tiền là (23.036.300.000 đồng – 932.962.500 đồng) = 22.103.337.500 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Công ty B cho rằng Công ty A đã đơn phương chấm dứt Hợp đồng từ 30/9/2022 (trước thời hạn) là vi phạm, nên Công ty B yêu cầu Công ty A phải bồi thường khoản tiền cho thời gian Công ty B đã làm đại lý tương ứng với 20 năm làm đại lý do đơn phương chấm dứt hợp đồng với số tiền cụ thể là: 4.866.645.000 đồng. Đồng thời yêu cầu nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại ngoại hợp đồng do nguyên đơn chấm dứt hợp đồng sai quy định dẫn tới thiệt hại thực tế là 520.365.000 đồng do Công ty B phải chấm dứt việc cung cấp gas cho các đại lý cấp dưới. Nguyên đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn về việc vì những yêu cầu đó không có cơ sở và căn cứ pháp lý bởi lẽ:

Công ty B tiêu thụ LPG không đạt mức tối thiểu cam kết, không thanh toán công nợ dẫn đến quá hạn…là hành vi vi phạm nghĩa vụ cơ bản của hợp đồng, vi phạm mục đích chính của việc giao kết hợp đồng. Do đó, Công ty A đã gửi công văn số 979/CNDH-KD ngày 22/9/2022 tới Công ty B để thông báo về việc "Tạm dừng" thực hiện hợp đồng là có căn cứ.

Sau khi hợp đồng bị tạm dừng, mặc dù Công ty A đã liên tục gửi các công văn số 1195 ngày 28/10/2022; công văn 1267 ngày 11/11/2022; công văn số 60/CNDH-KD ngày 07/6/2023 để yêu cầu Công ty B thanh toán công nợ, hoàn trả lại vỏ bình theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/6/2022 đã được hai bên xác nhận, nhưng phía Công ty B không có bất kỳ phản hồi nào đối với Công ty A. Đối chiếu với hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ cơ bản hợp đồng thì Công ty A hoàn toàn có thể chấm dứt hợp đồng theo quy định tại khoản 11.1 Điều 11 Hợp đồng và đúng theo quy định pháp luật, nên không phải phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Do đó, các yêu cầu bồi thường khoản tiền cho thời gian đã làm đại lý tương ứng với 20 năm làm đại lý do nguyên đơn chấm dứt hợp đồng với số tiền cụ thể là 4.866.645.000 đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do nguyên đơn chấm dứt hợp đồng sai quy định dẫn tới thiệt hại thực tế là 520.365.000 đồng của bị đơn tại đơn phản tố là không có căn cứ pháp lý.

Đối với yêu cầu cung cấp seri vỏ bình gas của bị đơn: Khi Công ty A bàn giao số lượng vỏ bình cho Công ty B không cung cấp theo seri vì đây là đặc điểm của ngành kinh doanh gas (hoán đổi bình gas khi sử dụng), Công ty A không yêu

cầu bị đơn phải trả lại vỏ bình theo đúng seri, Công ty A chỉ yêu cầu bị đơn phải trả lại đủ số lượng vỏ bình theo đúng số lượng và loại vỏ bình theo đúng Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/6/2022 giữa hai bên. Do đó nguyên đơn từ chối cung cấp số seri vỏ bình theo yêu cầu này của bị đơn. Trường hợp bị đơn làm mất, không trả được vỏ bình cho nguyên đơn thì bị đơn phải trả lại giá trị nguyên giá vỏ bình cho nguyên đơn.

** Theo các văn bản gửi tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày*:

- Đối với yêu cầu khởi kiện thứ nhất: Về việc chấm dứt Hợp đồng đại lý tiêu thụ khí dầu mỏ hóa lỏng đóng chai số: C1NĐ005/2022/PVGAS DH -ĐLLC được ký kết ngày 01/01/2022, Công ty B cho rằng:

+ Công ty A lấy lý do Công ty B không hoàn thành chỉ tiêu khối lượng tiêu thụ nên yêu cầu chấm dứt Hợp đồng đại lý tiêu thụ khí dầu mỏ hóa lỏng đóng chai số: C1NDD005/2022/PVGAS DH-ĐLLC được ký kết ngày 01/01/2022 giữa hai công ty là vi phạm Điều 3 Hợp đồng. Tại khoản 3.2 Điều 3 của Hợp đồng có quy định về khối lượng tiêu thụ LGP, giá bán và chính sách giá như sau:“ 3.2 Giá bán và chính sách giá: Trong vòng 03 ngày làm việc đầu tiên của mỗi tháng, bên A thông báo giá bán áp dụng cho bên B và quy định giá bán lẻ tối đa đến người tiêu dùng để bên B và hệ thống phân phối của bên B biết và thực hiện”. Theo quy định trên thì mặc định trong vòng 03 ngày đầu tiên của mỗi tháng, nguyên đơn có trách nhiệm thông báo cho Công ty B giá bán lẻ để cân đối, tính toán giá bán, khối lượng đặt hàng để thực hiện việc kinh doanh và bán hàng cho các đại lý, người tiêu dùng. Tuy nhiên, thực tế phía Công ty LPG Viêt Nam luôn luôn thông báo chậm từ 04-10 ngày so với cam kết, khiến Công ty B không thể tính toán để cân đối giá và khối lượng. Đặc biệt trong tình hình năm 2022 do dịch covid làm giá dầu mỏ, khí đốt trên thế giới và Việt Nam biến động hàng ngày làm cho Công ty B không thể chủ động, phản ứng kịp thời dẫn đến sản lượng tiêu thụ không đạt.

+ Ngày 22/9/2022, Công ty A gửi cho Công ty B Công văn số 979/CNDH-KD với nội dung “tạm dừng Hợp đồng” đại lý số C1NĐ005 kể từ ngày 30/9/2022. Như vậy được hiểu ngày 22/9/2022 là ngày ký văn bản thông báo và kể từ ngày 30/9/2022 Công ty A đã đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật (chỉ trong 08 ngày) thể hiện ở việc: Kể từ ngày 30/9/2022 Công ty A đã có các hành động về việc chấm dứt hợp đồng như: Yêu cầu Công ty B thanh toán dứt điểm công nợ; dừng việc cung cấp hàng, không cung cấp bất kỳ đơn hàng nào khác; yêu cầu hoàn trả/trả lại toàn bộ vỏ bình LPG. Mặt khác, trước ngày 30/9/2023 không có bất cứ sự thỏa thuận nào về việc thống nhất chấm dứt hợp đồng trước thời hạn giữa hai bên.

Căn cứ Điều 177 Luật Thương mại năm 2005 quy định: "Thời hạn đại lý chỉ chấm dứt sau một thời gian hợp lý nhưng không sớm hơn 60 ngày, kể từ ngày một trong hai bên thông báo bằng văn bản cho bên kia về việc chấm dứt hợp đồng đại lý". Theo đó bên đại lý có quyền yêu cầu bên giao đại lý bồi thường một khoản tiền cho thời gian mình làm đại lý cho bên giao đại lý". Công ty LPG Viêt Nam đã đơn phương chấm dứt Hợp đồng từ 30/9/2022 (trước thời hạn) như phân tích ở trên là vi phạm quy định tại Điều 177 Luật Thương mại.

Công ty B có yêu cầu phản tố: Do Công ty A đã đơn phương chấm dứt Hợp đồng từ 30/9/2022 (trước thời hạn) như phân tích ở trên là vi phạm, nên Công ty B yêu cầu Công ty A phải bồi thường khoản tiền cho thời gian Công ty B đã làm đại lý tương ứng với 20 năm làm đại lý do đơn phương chấm dứt hợp đồng với số tiền cụ thể là: 4.866.645.000 đồng. Đồng thời yêu cầu nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại ngoại hợp đồng do nguyên đơn chấm dứt hợp đồng sai quy định dẫn tới thiệt hại thực tế là 520.365.000 đồng do Công ty B phải chấm dứt việc cung cấp gas cho các đại lý cấp dưới. Tổng số tiền yêu cầu nguyên đơn bồi thường là 5.387.010.000 đồng.

- Đối với yêu cầu khởi kiện thứ 2: Bị đơn thống nhất với nguyên đơn về việc: Công ty B phải trả cho Công ty A số tiền gốc tính đến ngày 30/5/2024 là 1.140.000.000 đồng và các khoản tiền lãi phát sinh theo quy định pháp luật.

- Đối với yêu cầu khởi kiện thứ ba: Buộc Công ty B phải hoàn trả/trả lại cho Công ty A một lần toàn bộ số lượng 27.506 vỏ bình theo Biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên vào ngày 30/6/2022. Trong trường hợp Công ty B không thể trả được hiện vật là vỏ bình gas đã mượn thì phải thanh toán một lần cho Công ty A toàn bộ số tiền tương ứng với giá trị nguyên giá vỏ bình gas là: 23.036.300.000 đồng là không có căn cứ:

Công ty B xác nhận đã nhận của Công ty A số lượng vỏ bình là 27.506 vỏ bình theo Biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên vào ngày 30/6/2022. Toàn bộ số vỏ bình này là vỏ bình có ký cược. Việc Công ty A xuất trình tài liệu có 490 vỏ bình không có ký cược là không đúng. Hiện nay Công ty B không lưu giữ bất kỳ vỏ bình nào của gas Petro mà đang lưu giữ tại các địa lý cấp dưới, Công ty B không thể cung cấp được tên, địa chỉ, thông tin của những người, đại lý đang lưu giữ vỏ bình. Do đó Công ty B yêu cầu Công ty A cung cấp các tài liệu, chứng từ sau:

- Cung cấp số liệu tổng hợp chính xác số liệu vỏ bình nguyên đơn cấp ra hàng năm, số liệu trao đổi vỏ bình về hàng năm với các hãng, số liệu bình đang lưu giữ sử dụng trong các hộ dân và số liệu vỏ bình của các hãng khác mà hệ thống các đại lý của Cty LPG đang lưu giữ (bởi sau này sẽ hoán đổi thu hồi bình của PVGas về);

- Cung cấp số liệu bình đã qua 10 năm khấu hao không còn đủ chỉ tiêu kỹ thuật an toàn cháy nổ và đã khấu hao hết nên bị tiêu hủy.

- Cung cấp cụ thể số sê ri vỏ bình, chứng từ bàn giao vỏ bình để các bên đối chiếu lại chính xác số vỏ đã bàn giao.

- Các hợp đồng Cty LPG ký với đơn vị sản xuất bình gas, giấy tờ, tài liệu đăng ký chất lượng, đăng ký lưu hành vỏ chai LPG có số seri đó để chứng minh được sản xuất năm nào? Thì từ đó mới tính được tỷ lệ khấu hao để ra giá trị?

Đối với yêu cầu của Công ty A về việc "Trong trường hợp Công ty B không thể trả được hiện vật là vỏ bình gas đã mượn thì phải thanh toán một lần cho Công ty A toàn bộ số tiền tương ứng với giá trị nguyên giá vỏ bình gas là: 23.036.300.000 đồng" là không đúng vì căn cứ theo quy định Điều 6.5 của Hợp đồng đại lý quy định: "Đối với chai LPG mượn có ký cược mà bên B không có trả lại cho Bên A, Bên A có quyền thu giữ toàn bộ tiền ký cược còn lại của bên B, Nếu giá trị còn lại của chai LPG lớn hơn giá trị ký cược còn lại (áp dụng thời gian khấu hao 10 năm, mỗi năm khấu hao 10%), Bên B phải trả thêm tiền cho Bên A phần giá trị còn lại theo công thức tính: giá trị còn lại phải trả cho Bên A = (bằng) giá trị nguyên giá chai LPG (quy định tại khoản 6.1) – (trừ) chi phí khấu hao (10%./năm) – (trừ) giá trị còn lại tiền ký cược chai LPG…".

Như trình bày ở trên, toàn bộ 27.506 vỏ bình nêu trên đều có ký cược nên việc Công ty A yêu cầu Công ty B phải thanh toán một lần cho Công ty A toàn bộ số tiền tương ứng với giá trị nguyên giá trong trường hợp không trả lại được vỏ bình gas là không có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thẩm định số lượng vỏ bình gas hiện Công ty B đang lưu giữ. Sau khi tiến hành thẩm định, trong kho của Công ty B không còn lưu giữ vỏ bình gas nào của hãng petro Việt Nam. Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu Công ty B cung cấp các thông tin liên quan đến việc lưu giữ vỏ bình gas và thông tin bên thứ 3 đang lưu giữ vỏ bình (Nếu có) và cung cấp tài liệu chứng cứ cho yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ (nếu có). Tuy nhiên Công ty B không cung cấp được thông tin liên quan đến việc lưu giữ các vỏ bình gas.

** Tại Bản án sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST ngày 12/6/2025 của Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hải Phòng*: Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 352, Điều 356, Điều 357, Điều 385, Điều 398, Điều 401, Điều 422, Điều 428, Điều Điều 429, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 166, Điều 168, Điều 172, Điều 173, Điều 174, Điều 175, Điều 176, Điều 177, Điều 306, Điều 308, Điều 309, Điều310 của Luật Thương mại; Căn cứ khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần kinh doanh A đối với Công ty TNHH Thương mại B gồm:

1. Xác định Hợp đồng đại lý tiêu thụ khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG) và thiết bị, phụ kiện về khí dầu mỏ hoá lỏng số: C1NĐ005/2022/PVGAS DH - ĐLLC ký ngày 01-01-2022 giữa Công ty Cổ phần Kinh doanh A và Công ty TNHH Thương mại B chấm dứt kể từ ngày 31-12-2022.

2. Buộc Công ty TNHH Thương mại B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Kinh doanh A khoản tiền nợ gốc còn lại là 1.140.000.000 đồng; Tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/6/2025) là 236.600.000 đồng. Cộng cả gốc và lãi là 1.376.600.000 đồng.

3. Buộc Công ty TNHH Thương mại B phải hoàn trả cho Công ty cổ phần kinh doanh A 235 vỏ bình PVGAS 11Kg; 26.376 vỏ bình PVGAS 12Kg và 895 vỏ bình PVGAS 45Kg. Tổng là 27.506 vỏ bình PVGAS thương hiệu Petro Việt Nam. Công ty A phải hoàn trả lại cho Công ty B giá trị ký cược vỏ bình còn lại là 932.962.500 đồng sau khi Công ty B trả hết 27.506 vỏ bình gas bằng hiện vật cho Công ty A.

4. Trong trường hợp Công ty TNHH Thương mại B không trả được 27.506 vỏ bình PVGAS bằng hiện vật thì phải thanh toán cho Công ty cổ phần kinh doanh A giá trị bằng tiền tương ứng với 27.506 số vỏ bình chưa trả là : 4.724.629.167 đồng.

5. Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty B phải thanh toán cho Công ty A phần vượt quá số tiền 4.724.629.167 đồng Công ty B phải trả là (22.103.337.500 đồng - 4.724.629.167 đồng) = 17.378.708.333 đồng.

6. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty B về việc buộc Công ty A phải bồi thường tổng số tiền là 5.387.010.000 đồng bao gồm: Khoản tiền cho thời gian Công ty B đã làm đại lý tương ứng với thời gian 20 năm làm đại lý là: 4.866.645.000 đồng; bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do nguyên đơn chấm dứt hợp đồng sai quy định dẫn tới thiệt hại thực tế là 520.365.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về nghĩa vụ phải chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 25/6/2025, Công ty TNHH Thương mại B kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

** Tại phiên tòa phúc thẩm*:

- Người đại diện của Công ty B giữ nguyên nội dung kháng cáo. Công ty B cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không khách quan trong việc đánh giá chứng cứ. Công ty A vi phạm hợp đồng, vi phạm nguyên tắc kinh doanh chậm thông báo giá, chính sách giá không cạnh tranh. Hợp đồng đại lý mà Công ty A ký với Công ty B là Hợp đồng mẫu do Công ty A soạn ra, Công ty B chỉ việc ký, không phải hợp đồng nguyên tắc nên có nhiều điều khoản bất lợi cho Công ty B. Việc Công ty B không đạt sản lượng không được coi là vi phạm nghiêm trọng để chấm dứt hợp đồng. Hành vi tạm dừng hợp đồng của Công ty A không có cơ sở pháp lý. Đối với yêu cầu trả bình gas của Công ty LPG thì do Công ty A dừng cấp hàng nên Công ty B không thể thu hồi được số lượng vỏ bình gas để trả cho Công ty A. Công ty A yêu cầu nếu không trả được số bình gas thì phải trả bằng giá trị theo bảng tính mà Công ty A nêu ra là không có cơ sở nên Công ty B không đồng ý. Trường hợp nếu Công ty B không trả được số lượng vỏ bình gas thì Công ty A có thể giữ số tiền mà Công ty B đã ký cược cho 27.506 vỏ bình. Công ty A cho rằng trong tổng số 27.506 vỏ bình có 490 vỏ bình không có ký cược là không đúng. Công ty B xác nhận số tiền hàng chưa thanh toán cho Công ty A là 1.140.000.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty B không đồng ý tính lãi vì số tiền này để các bên đối trừ công nợ. Đối với yêu cầu về thù lao đại lý thì đây là chế định bắt buộc mà đại lý được hưởng theo quy định của pháp luật. Do Công ty A vi phạm nghĩa vụ dẫn đến Công ty B thiệt hại nên Công ty A phải có trách nhiệm bồi thường cho Công ty B (Điều 177 và Điều 302 Luật Thương mại). Công ty B đề nghị Tòa án hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và người đại diện của Công ty A thống nhất trình bày: Hợp đồng các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, tại hợp đồng không có thỏa thuận trả thù lao và Công ty B vi phạm nghĩa vụ tiêu thụ sản lượng, vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu trả thù lao đại lý, bồi thường thiệt hại của Công ty B là không có căn cứ. Công ty A không thể xác định được mã số seri, năm sản xuất của từng vỏ bình trong tổng số 27.506 vỏ bình mà Công ty A yêu cầu Công ty B phải trả. Tại cấp sơ thẩm, Công ty A đưa ra cách tính xác định giá trị còn lại của vỏ bình và Công ty B không có ý kiến. Do vậy, Công ty A đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của Công ty B giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý đến trước khi tuyên án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm theo hướng chỉ chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn từ ngày 30/5/2024 (thời điểm chốt công nợ cuối cùng) đến ngày xét xử sơ thẩm và không chấp nhận

yêu cầu trả bằng giá trị còn lại vỏ bình của nguyên đơn vì không xác định được giá trị nguyên giá, giá trị khấu hao của 27.506 vỏ bình. Sửa phần án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng*:

[1]. Xét về thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu kiện đòi bình gas của nguyên đơn: Theo khoản 9.1 Điều 9 của Hợp đồng quy định: "*Chai mang nhãn hiệu PETROVIETNAM GAS thuộc quyền sở hữu của Bên A (*Công ty Cổ phần kinh doanh A – Chi nhánh Duyên Hải*) kể cả Bên B (*Công ty TNHH TM B*) đã giao cho Bên thứ ba tiêu thụ hoặc sử dụng LPG chứa trong chai. Chai LPG là tài sản của Bên A, không thể chuyển nhượng hay chiếm dụng*.". Bị đơn cũng thừa nhận vỏ bình gas thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn. Căn cứ Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự quy định về việc không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu. Do vậy, Công ty LPG có quyền khởi kiện đối với Công ty B.

- *Về nội dung:*

[2] Hợp đồng đại lý tiêu thụ khí dầu mỏ hóa lỏng đóng chai số C1NDD005/2022/PVGAS LPG DH -ĐLLC và Phụ lục Hợp đồng giữa Công ty Cổ phần kinh doanh A – Chi nhánh Duyên Hải và Công ty B được ký kết ngày 01/01/2022 (gọi tắt là Hợp đồng đại lý năm 2022). Hợp đồng này được chuyển tiếp từ Hợp đồng số 01/2021/PVGAS DH -CTLC/HĐĐL được ký ngày 01/01/2021 và Phụ lục Hợp đồng đã ký ngày 01/01/2021 giữa Công ty Cổ phần kinh doanh A-Chi nhánh Duyên Hải và Công ty B kế thừa toàn bộ quyền, trách nhiêm, nghĩa vụ về vỏ bình của Công ty B đối với Công ty Cổ phần kinh doanh A – Chi nhánh Duyên Hải. Các Hợp đồng này đều được lập thành văn bản, các bên đều thống nhất ký đảm bảo quy định pháp luật (Điều 166, Điều 168, Điều 169 Luật Thương mại).

[3] Tại Điểm 3.1 Điều 3 của Hợp đồng đại lý năm 2022 quy định khối lượng tiêu thụ tối thiểu 135 tấn/tháng. Do không đạt sản lượng tối thiểu 135 tấn/tháng theo như Hợp đồng đã ký kết trong suốt 08 tháng đầu năm 2022 nên ngày 22/9/2022, Công ty cổ phần kinh doanh A – Chi nhánh Duyên Hải đã ban hành Công văn số 979/CNDH v/v đề nghị thanh toán công nợ và tạm dừng hoạt động Tổng đại lý bao tiêu khí dầu mỏ hóa lỏng đóng chai; đồng thời tại công văn thể hiện nội dung: Tính tới ngày 20/9/2022, công nợ quá hạn cũ của đại lý B còn nợ PVGAS LPG Duyên Hải là 1.424.429.730 đồng. Nguyên đơn cho rằng: Bị đơn vi

phạm hợp đồng do không đạt sản lượng tối thiểu 135 tấn/tháng nên tạm dừng hợp đồng và việc tạm dừng hợp đồng không phải là chấm dứt hợp đồng, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng đại lý tiêu thụ khí dầu mỏ hóa lỏng đóng chai số C1NDD005/2022/PVGAS DH-ĐLLC được ký kết ngày 01/01/2022 giữa Công ty cổ phần kinh doanh A – Chi nhánh Duyên Hải và Công ty B nhưng không yêu cầu chấm dứt hợp đồng đại lý tại thời điểm nào. Tuy nhiên bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn và xác định thời điểm chấm dứt kể từ ngày 31/12/2022. Căn cứ vào khoản 1 Điều 177 Luật Thương mại quy định: "*Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, thời hạn đại lý chỉ chấm dứt sau một thời gian hợp lý nhưng không sớm hơn sáu mươi ngày, kể từ ngày một trong hai bên thông báo bằng văn bản cho bên kia về việc chấm dứt hợp đồng đại lý*". Tại Điều 11 của Hợp đồng đại lý quy định: " *11.1 Hợp đồng chấm dứt trong các trường hợp sau:...tiêu thụ sản lượng không đạt mức tối thiểu*…". Mặc dù Công ty LPG cho rằng không ban hành văn bản chấm dứt hợp đồng mà chỉ ban hành văn bản tạm dừng hợp đồng nhưng căn cứ để ra thông báo tạm dừng là điều kiện chấm dứt hợp đồng được quy định trong hợp đồng đã ký kết (sản lượng không đạt mức tối thiểu). Hội đồng xét xử xét thấy: Đối chiếu các quy định pháp luật nêu trên, căn cứ thỏa thuận hai bên đã ký kết, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chấm dứt hợp đồng từ thời điểm ngày 31/12/2022 là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/9/2022, hai bên đã ký kết xác nhận Công ty B còn nợ Công ty LPG là 1.421.429.731 đồng, đến thời điểm chốt Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2023, Công ty B đã trả một phần tiền nên Công ty B còn nợ số tiền hàng là 1.220.000.000 đồng và đến thời điểm ngày 30/5/2024 còn nợ số tiền 1.140.000.000 đồng; tại các biên bản đối chiếu công nợ nêu trên thể hiện Công ty B đã thanh toán một phần tiền gốc cho Công ty A, không tính lãi kể từ thời điểm ra văn bản tạm dừng cho đến thời điểm ngày 30/5/2024. Tại khoản 3 Điều 3 Luật Thương mại quy định "*Thói quen trong hoạt động thương mại là quy tắc xử sự có nội dung rõ ràng được hình thành và lặp lại nhiều lần trong một thời gian dài giữa các bên, được các bên mặc nhiên thừa nhận để xác định quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng thương mại*". Như vậy, căn cứ vào thỏa thuận giữa các bên, căn cứ vào việc các bên đã cùng nhau thực hiện hợp đồng, các bên đã cùng nhau thống nhất thực hiện việc thanh toán tiền hàng với số tiền nợ gốc mà không tính lãi suất từ thời điểm ngày 30/9/2022 đến ngày 30/5/2024; xét thấy cấp sơ thẩm đã tính lãi suất chậm trả từ ngày 30/6/2023 đến ngày 30/5/2024 trên khoản nợ gốc là không phù hợp nên cần sửa nội dung tính thời gian trả lãi suất kể từ ngày 30/5/2024 là ngày chốt công nợ cuối cùng cho đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/6/2025).

[5] Tại các Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2021, ngày 31/01/2022, ngày 28/02/2022, ngày 31/03/2022, ngày 30/9/2022 (BL số 573, 634) , ngày 31/12/2023 (BL số 572), ngày 30/5/2024 (BL số 571) của Công ty LPG đều thể hiện tổng số lượng 27.506 vỏ bình đều có ký cược, cụ thể: 26.376 vỏ bình 12kg, 235 vỏ bình 11kg, 895 vỏ bình 45kg. Số lượng 27.506 vỏ bình đều có ký cược còn được thể hiện tại các Công văn do Công ty Cổ phần kinh doanh A- Chi nhánh Duyên Hải ban hành, cụ thể: Công văn số 60/CNDH-KD ngày 17/6/2023, Công văn số 135/CNMB-KD ngày 14/5/2024 (BL số 568), Công văn số 135/CNMB – KD ngày 14/5/2024, Công văn số 149/CNMB-KD ngày 24/5/2024 (BL 567)về việc xác nhận công nợ và thực hiện hoàn trả số lượng vỏ bình đã đặt cọc đều thống nhất thể hiện nội dung: " *Đối chiếu với điều kiện trên thì Quý Công ty phải trả số lượng vỏ bình đã đặt cược từ PVGAS LOG DH là 26.376 vỏ bình 12kg, 235 vỏ bình Composite 11kg và 895 vỏ bình 45kg*..". Ngoài ra, đối với số lượng vỏ bình gas 45 kg còn có Công văn số 240/CV-CNMB ngày 15/8/2024 (BL 412) của Công ty Cổ phần kinh doanh LPG Việt Nam – Chi nhánh Duyên Hải v/v Hoàn trả vỏ bình 12kg, 45kg mang thương hiệu Petro Vietnam Gas (BL số 380) thể hiện nội dung: " *Đến thời điểm hiện tại, khách hàng Công ty TNHH Thương mại B còn giữ vỏ bình gas của PVGAS Miền Bắc, cụ thể như sau: "Vỏ bình 12kg ký cược 26.376 chiếc, Vỏ bình 45kg ký cược 895 chiếc*".

[6] Số tiền ký cược 4.200.968.951 đồng, nguyên đơn cho rằng là tiền ký cược của toàn bộ vỏ bình gas còn nợ 27.016 vỏ bình (trừ 490 vỏ bình không có ký cược). Tuy nhiên căn cứ phân tích tại các biên bản đối chiếu công nợ, công văn do chính nguyên đơn ban hành thể hiện toàn bộ vỏ bình gas mà bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số là 27.506 vỏ bình, trong đó có cả 490 vỏ bình gas loại 45 kg đều có ký cược. Do vậy, số tiền ký cược là 4.200.968.951 đồng được xác định ký cược cho toàn bộ 27.506 vỏ bình gas mà nguyên đơn khởi kiện.

[7] Tại Điều 6 Hợp đồng đại lý tiêu thụ khí dầu mỏ hóa lỏng đóng chai HĐĐ số C1ND005/2022/PVGAS LPG DH -ĐLLC giữa Công ty cổ phần kinh doanh A – Chi nhánh Duyên Hải và Công ty B quy định thể hiện nội dung:…6.5. *Nếu chấm dứt Hợp đồng: Hai bên phải lập Biên bản xác nhận, đối chiếu công nợ trong thơi gian không quá 30 ngày kể từ ngày một trong hai bên thông báo chấm dứt Hợp đồng, khi đó*:…*Đối với chai LPG mượn có ký cược mà Công ty TNHH Thương mại B không có trả lại cho Công ty cổ phần kinh doanh A- Chi nhánh Duyên Hải thì Công ty Cổ phần kinh doanh A – Chi nhánh Duyên Hải có quyền thu giữ toàn bộ tiền ký cược còn lại của Công ty TNHH Thương mại B. Nếu giá trị còn lại của chai LPG lớn hơn giá trị ký cược còn lại (áp dụng khấu hao 10 năm mỗi năm khấu hao 10%, Công ty TNHH Thương mại B phải trả thêm tiền cho Công ty cổ phần kinh doanh A- Chi nhánh Duyên Hải...".*

[8] Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của Công ty B đều khẳng định không thể trả lại vỏ bình cho Công ty A vì hiện không còn lưu giữ trong kho của công ty, hai bên đã chấm dứt hợp đồng nên không có gas của Công ty A để hoán đổi vỏ bình LPG cho khách hàng. Bên phía Công ty A cũng khẳng định trong tổng số 27.506 vỏ bình đều có ký cược, cụ thể: 26.376 vỏ bình 12kg, 235 vỏ bình 11kg, 895 vỏ bình 45kg hiện Công ty không xác định được bình gas nào còn trên 10 năm hay dưới 10 năm (tại Mục 6.6 Điều 6 của Hợp đồng đại lý quy định Phương pháp tính khấu hao vỏ bình: Áp dụng thời gian khấu hao 10 năm, mỗi năm khấu hao 10%).

[9] Tại mục 6.7 Điều 6 của Hợp đồng đại lý quy định: Chai LPG là tài sản thuộc sở hữu của Công ty A, Công ty A có quyền yêu cầu Công ty B hoặc Bên thứ ba (khách hàng của Công ty B hoặc thuộc hệ thống phân phố của Công ty B) bàn giao lại chai LPG trong trường hợp Công ty B không thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng. Việc bàn giao giữa Công ty A và Bên thứ ba không phụ thuộc vào sự "đồng ý" hay " không đồng ý" của Công ty B.

[10] Đối với toàn bộ số lượng vỏ chai LPG là 27.506, nguyên đơn thừa nhận không có vỏ bình để trả, bị đơn thừa nhận không thể xác định được vỏ bình nào khấu hao trên 10 năm hay dưới 10 năm hoặc cụ thể còn lại khấu hao bao nhiêu năm (không xác định được số tháng khấu hao) nên không thể xác định được giá trị còn lại của vỏ bình để tính theo công thức như đã quy định tại hợp đồng hai bên đã ký kết tại mục 6.5 Điều 6 (Chi phí khấu hao = giá trị nguyên giá/120 x số tháng khấu hao). Hơn nữa, theo bảng tính giá trị còn lại(BL 615) của 27.506 vỏ bình mà Công ty A cung cấp cho Tòa án thể hiện Công ty B phải chịu khấu hao của số vỏ bình là không đúng với quy định của pháp luật (khoản 3 Điều 497 BLDS).

[11] Căn cứ vào mục 6.5 Điều 6 Hợp đồng đại lý tiêu thụ khí dầu mỏ hóa lỏng đóng chai HĐ ĐL số C1NDD005/2022/PVGAS LPG DH -ĐLLV giữa Công ty A và Công ty B: Đối với số lượng 27.506 vỏ bình đã có ký cược số tiền 4.200.968.951 đồng, hiện Công ty B không có vỏ bình để trả lại cho Công ty A nên Công ty A có quyền thu giữ toàn bộ số tiền ký cược là 4.200.968.951 đồng của Công ty B.

[12] Do vi phạm điều kiện chấm dứt hợp đồng - không đạt sản lượng tối thiểu 135 tấn /tháng theo Hợp đồng đã ký kết nên Công ty B yêu cầu bồi thường số tiền 201 triệu đồng, trong đó trả cho 04 đại lý (120 triệu đồng) + 01 đơn vị vận tải (81 triệu đồng) và bồi thường một khoản tiền cho thời gian làm đại lý theo Điều 177 Luật Thương mại là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[13] Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty B yêu cầu Công ty A phải trả tiền chiết khấu hoa hồng làm đại lý cho Công ty cổ phần kinh doanh A – Chi nhánh Duyên Hải; tuy nhiên đối với yêu cầu này tại cấp sơ thẩm chưa xem xét nên cấp

phúc thẩm xác định yêu cầu này vượt quá phạm vi giải quyết của cấp phúc thẩm. Công ty B có thể khởi kiện bằng một vụ án khác.

[14]. Về án phí:

[14.1]. Về án phí sơ thẩm:

[14.1.1]. Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền 1.257.750.000 đồng nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm là: 36.000.000đ + 3%(1.257.750.000đ – 800.000.000đ) = 49.732.500 đồng.

[14.1.2]. Tòa án không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu kiện đòi bằng giá trị của 27.506 vỏ bình gas tương đương với số tiền 22.103.337.500đ nên nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là: 112.000.000đ + 0,1%(22.103.337.500đ – 4.000.000.000đ) = 130.103.338 đồng (làm tròn là 130.103.000 đồng).

[14.1.3]. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với số tiền 5.387.010.000 đồng là: 112.000.000đ + 0,1%(5.387.010.000 đ– 4.000.000.000đ) = 113.387.010 đồng (làm tròn là 113.387.000 đồng).

[14.2]. Về án phí phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định người kháng cáo phải nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng là chưa đúng với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ 117, 155, Điều 352, Điều 357, Điều 398, Điều 401, Điều 422, Điều 428, Điều 468, Điều 497 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 32 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP về kinh doanh khí hóa lỏng;

Căn cứ Điều 166, Điều 168, Điều 172, Điều 173, Điều 174, Điều 175, Điều 176, Điều 177, Điều 306, Điều 308, Điều 309, Điều310 của Luật Thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại B và sửa bản án sơ thẩm.

1. Xác định Hợp đồng đại lý tiêu thụ khí dầu mỏ hoá lỏng đóng chai HĐĐL số: C1NĐ005/2022/PVGAS LPG DH - ĐLLC ký ngày 01/01/2022 giữa Công ty Cổ phần Kinh doanh A – Chi nhánh Duyên Hải và Công ty TNHH Thương mại B chấm dứt kể từ ngày 31/12/2022.

2. Buộc Công ty TNHH Thương mại B thanh toán cho Công ty Cổ phần Kinh doanh A số tiền 1.257.750.000đ (*một tỷ, hai trăm năm mươi bẩy triệu, bẩy trăm năm mươi nghìn đồng*); trong đó: Số tiền gốc chưa thanh toán là 1.140.000.000 đồng và số tiền lãi do chậm thanh toán là 117.750.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Buộc Công ty TNHH Thương mại B phải hoàn trả cho Công ty Cổ phần kinh doanh A 235 vỏ bình PVGAS 11Kg; 26.376 vỏ bình PVGAS 12Kg và 895 vỏ bình PVGAS 45Kg. Tổng là 27.506 vỏ bình PVGAS thương hiệu Petro Việt Nam. Trường hợp Công ty TNHH Thương mại B không trả được 27.506 vỏ bình gas cho Công ty Cổ phần kinh doanh A thì Công ty Cổ phần kinh doanh A có quyền giữ số tiền ký cược vỏ bình là 4.200.968.951 đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần kinh doanh A trong trường hợp Công ty TNHH Thương mại B không trả được 27.506 vỏ bình gas đã mượn thì phải thanh toán cho Công ty Cổ phần kinh doanh A toàn bộ số tiền tương ứng với giá trị nguyên giá vỏ bình gas là 22.103.337.500 đồng.

5. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Thương mại B về việc buộc Công ty A phải bồi thường tổng số tiền là 5.387.010.000 đồng; bao gồm: Khoản tiền cho thời gian Công ty TNHH Thương mại B đã làm đại lý tương ứng với thời gian 20 năm làm đại lý là: 4.866.645.000 đồng; bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do nguyên đơn chấm dứt hợp đồng sai quy định dẫn tới thiệt hại thực tế là 520.365.000 đồng.

6. Về án phí:

6.1. Án phí sơ thẩm:

- Công ty TNHH Thương mại B phải chịu 163.119.500đ (*một trăm sáu mươi ba triệu, một trăm mười chín nghìn, lăm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được đối trừ vào số tiền 56.700.000 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai số 0003377 ngày 17/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận B. Công ty TNHH Thương mại B còn phải nộp án phí sơ thẩm là 106.419.500đ (*một trăm lẻ sáu triệu, bốn trăm mười chín nghìn, lăm trăm đồng*).

- Công ty Cổ phần kinh doanh A phải chịu 130.103.000đ (*một trăm ba mươi triệu, một trăm lẻ ba nghìn đồng*). Nhưng được đối trừ vào số tiền 65.520.000 đồng tạm ứng theo Biên lại số 0005512 ngày 17/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận B. Công ty Cổ phần kinh doanh A còn phải nộp án phí sơ thẩm là 64.583.000đ (*sáu mươi bốn triệu, lăm trăm tám mươi ba nghì đồng*).

6.2. Án phí phúc thẩm: Trả lại Công ty TNHH Thương mại B số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001454 ngày 08/7/2025 của Thi hành án dân sự khu vực 5 thành phố Hải Phòng, nhưng cần tạm giữ để khấu trừ vào số tiền án phí sơ thẩm mà Công ty TNHH Thương mại B phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tai các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND khu vực 5;
- Phòng THADS khu vực 5;
- Các đương sự(để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP, THC.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Bình